

ĐẠI CÁO BÌNH NGÔ

(*Bình Ngô đại cáo*)

(2 tiết)

NGUYỄN TRÃI

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

– Nhận thức được lòng yêu nước và tinh thần nhân nghĩa là hai yếu tố quyết định đã đưa cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đến thắng lợi vẻ vang.

– Hiểu giá trị nội dung to lớn và giá trị nghệ thuật độc đáo của áng "thiên cổ hùng văn" *Đại cáo bình Ngô* ; ở đó tác giả đã kết hợp được sức mạnh của lí lẽ và giá trị biểu cảm của hình tượng nghệ thuật.

– Rèn luyện kĩ năng đọc đúng, đọc diễn cảm và đọc - hiểu bài cáo, một tác phẩm văn chính luận đặc sắc thời trung đại.

II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LUU Ý

1. Về nội dung

HS đã bước đầu làm quen với thể loại cáo và nội dung tư tưởng nhân nghĩa, ý thức cũng như niềm tự hào dân tộc qua đoạn trích *Nước Đại Việt ta* (trích *Đại cáo bình Ngô* của Nguyễn Trãi) trong chương trình Ngữ văn THCS. Ở bài học này, GV tiếp tục cho HS tìm hiểu về thể loại cáo nhưng ở mức độ toàn diện hơn (qua việc tự nghiên cứu phân *Tri thức đọc - hiểu* và quá trình khai thác giá trị đặc sắc của nội dung và nghệ thuật các đoạn 3, 4, 5).

Trọng tâm bài này là khai thác giá trị tác phẩm. Có thể nêu thêm một số vấn đề tham khảo xung quanh bài cáo :

a) Nhan đề

Cáo là một thể văn chính trị, thể hiện mệnh lệnh của vua ; nhưng *đại cáo* mang ý nghĩa một sự kiện trọng đại như một bản tuyên ngôn, được viết bằng giọng văn hùng biện, lời lẽ đanh thép, lí luận sắc bén, bố cục rõ ràng, do đó nhan đề *Đại cáo bình Ngô* có thể hiểu là "Tuyên bố về sự nghiệp đánh dẹp giặc Ngô". Cách hiểu này phù hợp với hoàn cảnh ra đời tác phẩm. Đó là cuối năm 1427⁽¹⁾ –

(1) Theo *Việt Nam những sự kiện lịch sử* (do Đỗ Đức Hùng,... biên soạn, NXB Giáo dục, 2001, tr. 210) thì đó là ngày 12 tháng chạp năm Đinh Mùi (tức đầu năm 1428).

sau khi dẹp xong quân Minh, Lê Lợi giao cho Nguyễn Trãi thay mình tổng kết toàn diện cuộc kháng chiến chống xâm lược : lên án tội ác của giặc, kể lại quá trình vượt qua hi sinh gian khổ, ngợi ca tinh thần nhân nghĩa cao cả và tuyên bố hoà bình, độc lập cho dân tộc.

b) Các bản dịch

Hiện đang lưu hành nhiều bản dịch *Đại cáo bình Ngô*, nhưng "bản dịch của Bùi Kỷ vẫn được xem là bản dịch nổi tiếng hơn cả"⁽¹⁾. Về cơ bản, dịch giả đã giữ được cái "thần" của nguyên tác, giữ được nhịp điệu hùng tráng, sức thể hiện của ngôn từ và phong cách văn chương Nguyễn Trãi.

2. Về phương pháp

Trong SGK *Ngữ văn* lớp 8, HS đã được học phần đầu tác phẩm này (từ đầu đến "Chứng cứ còn ghi"). Bài học này, GV cần giảng kĩ cho HS bắt đầu từ đoạn "Ta đây..." cho đến hết văn bản bài cáo. Do đó, để hoạt động đọc - hiểu đạt hiệu quả, cần huy động kiến thức đã học làm nền tảng để phát triển kiến thức mới.

a) Cách đọc

– Văn bản *Đại cáo bình Ngô* có nhiều từ cổ, điển tích. Muốn đọc tốt, trước hết HS phải nắm vững nghĩa từ và cụm từ ở phần chú thích trong SGK.

Việc xác định cách đọc dựa trên căn cứ đặc trưng thể loại. GV nhấn mạnh một số vấn đề : *cáo* có thể được viết theo thể văn xuôi, cũng có thể viết theo thể biền ngẫu. Thể văn biền ngẫu kết cấu theo từng cặp câu, mỗi câu gồm hai vế đối nhau. Đọc *Đại cáo bình Ngô*, cần chú ý những phương diện này để đảm bảo ngữ điệu và chỗ ngắt giọng, chẳng hạn hai câu dịch :

Đau lòng nhức óc, / chốc đà mười mấy năm trời ;

Ném mật nằm gai, / há phải một hai sớm tối.

Đồng thời, để tăng sức diễn cảm mạch văn chính luận của bài cáo, cần đọc với giọng khoẻ khoắn, hùng hồn, sáng khoái ; thể hiện sự phối hợp nhịp nhàng văn điệu ngắn dài linh hoạt của các câu văn.

(1) Xem : Nguyễn Đăng Na, "*Bình Ngô đại cáo*", vấn đề dịch giả và dịch bản, *Tạp chí Hán Nôm*, số 4 - 2002.

b) *Khai thác các bình diện kiến thức trong tính hệ thống*

Giá trị nghệ thuật của việc sử dụng lí lẽ và giá trị biểu cảm của hình tượng nghệ thuật thể hiện trong đoạn trích, theo hệ thống kết cấu toàn văn bài *Đại cáo bình Ngô* của Nguyễn Trãi, gồm bốn phần :

- Luận đề chính nghĩa (từ "Từng nghe : ..." đến "Chúng cứ còn ghi") ;
- Tố cáo tội ác của giặc (từ "Vừa rồi ..." đến "Ai bảo thân nhân chịu được") ;
- Quá trình kháng chiến và thắng lợi (từ "Ta đây..." đến "... chưa thấy xưa nay") ;
- Lời tuyên bố hoà bình (từ "Xã tắc từ đây vững bền ..." đến "Ai nấy đều hay").

3. Về kiểm tra, đánh giá

Có thể dựa trên các yêu cầu :

a) Đọc đúng ngữ điệu theo đặc trưng thể loại (chủ yếu ở ngữ điệu, cách ngắt nhịp, bắt vần và diễn cảm của các câu văn biến ngẫu theo ngữ cảnh từng đoạn).

b) Hiểu lòng yêu nước và tinh thần nhân nghĩa là cơ sở tư tưởng có tính quyết định đã đưa cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đến thắng lợi vẻ vang. *Đại cáo bình Ngô* là bản anh hùng ca bất hủ của dân tộc Việt Nam, ở đó kết tinh một phương diện tài năng kiệt xuất của Nguyễn Trãi trong việc kết hợp nhuần nhuyễn giữa sức mạnh của lí lẽ sắc bén, giọng văn hùng hồn và giá trị biểu cảm mạnh mẽ của hình tượng nghệ thuật.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phần mở đầu

– Có thể sử dụng hai đoạn đầu của phần *Tiểu dẫn* trong SGK làm lời mở bài.

– Cũng có thể tham khảo ý kiến của nhà thơ Xuân Diệu làm lời dẫn : "Trước thời Lê Lợi, đã từng có chiến thắng oanh liệt đuổi sạch quân Mông – Nguyên xâm lược ở thời nhà Trần ; sau thời Lê Lợi, sẽ có chiến thắng thần tốc của vua Quang Trung đánh đuổi 20 vạn quân Thanh xâm lược ; nhưng trong văn học sử, chỉ có một áng văn *Đại cáo bình Ngô*, bởi các lẽ : không có ba Nguyễn Trãi để viết ba áng văn khải hoàn mà lịch sử đòi hỏi ở ba thời điểm, mà chỉ có một Nguyễn Trãi cụ thể, hiệu Úc Trai, ở đầu triều Lê, cùng với tài thao lược kinh bang tế thế, đã có cái thiên tài viết văn" (*Nguyễn Trãi – khí phách và tinh hoa của dân tộc, Xuân Diệu toàn tập*, tập ba, NXB Văn học, H., 2001).

2. Phân tổ chức dạy học

a) *Sơ lược về tác gia, tác phẩm*

Gợi ý HS tìm ở phần *Tiểu dẫn* và *Tri thức đọc - hiểu* trong SGK.

b) *Tìm hiểu giá trị nghệ thuật và nội dung tác phẩm*

Câu hỏi 1

Về hoàn cảnh ra đời của bài cáo, GV yêu cầu HS đọc và khai thác thông tin từ phần *Tiểu dẫn* trong SGK.

Căn cứ vào nội dung như SGK đã chia, GV hướng dẫn HS thảo luận và nêu ý chính của các đoạn 3, 4, 5 :

– Đoạn 3 (từ "Ta đây..." đến "lấy ít địch nhiều") : Hình ảnh vị lãnh tụ nghĩa quân và những khó khăn trong buổi đầu dấy nghiệp.

– Đoạn 4 (từ "Trộn hay..." đến "... xưa nay") : Quá trình kháng chiến và thắng lợi.

– Đoạn 5 (từ "Xã tắc từ đây vững bền"... đến hết) : Lời tuyên bố hoà bình, khẳng định ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

Câu hỏi 2

GV hướng dẫn HS đọc đoạn 3, phát hiện những từ ngữ, hình ảnh, điển cố,... để nêu được :

– Ý chí quyết tâm tiêu diệt quân Minh, giải phóng đất nước của nhân dân ta thể hiện qua hình tượng người anh hùng dân tộc Lê Lợi trong buổi đầu dấy nghiệp. Yêu cầu HS dẫn ra các câu văn (luận chứng) và khái quát thành luận cứ (địa bàn dấy nghĩa hẻo lánh, thế ta và giặc không cân sức, lực lượng nghĩa quân hết sức mỏng manh, những khó khăn khác như cày chống chèo : có lần bị vây ba tháng tuyệt đường lương thực).

– Lực lượng của nghĩa quân Lam Sơn yếu, các điều kiện cần thiết đều thiếu ; trong khi đó Lê Lợi lại dấy nghĩa "Đúng lúc quân thù đương mạnh". Rõ ràng, so sánh tương quan giữa hai bên là không cân sức.

GV cho HS nhắc lại đoạn trích đã học ở THCS và nêu vấn đề : sức mạnh nào đã giúp ta vượt qua những khó khăn nói trên ? Trước hết, đó là sức mạnh của tư tưởng nhân nghĩa, ý thức dân tộc, đó cũng là mục đích của cuộc chiến đấu : nhằm mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân, bảo vệ nền độc lập, truyền thống văn hiến lâu đời của quốc gia. Bên cạnh đó, là phẩm chất và tài trí mưu lược của vị lãnh tụ nghĩa quân. Để nêu được những phẩm chất và tài trí mưu lược của Lê Lợi – người lãnh đạo

cuộc khởi nghĩa, GV có thể định hướng cho HS nhận xét trên các phương diện : cách xưng danh khẳng khái, tự tin ; lòng căm thù giặc sâu sắc, tự giác đặt vận mệnh của dân tộc lên vai mình ; nhiệt huyết cứu nước trở thành một hoài bão ; vai trò của mình chủ thể hiện qua ý chí, quyết tâm kháng chiến, thái độ cầu hiền, khả năng thu phục lòng người tạo nên sức mạnh đoàn kết, chứng tỏ là một người có tài mưu lược, xứng đáng là linh hồn cuộc khởi nghĩa Lam Sơn,...

Câu hỏi 3

GV định hướng : trong đoạn 4, tác giả miêu tả khí thế đạp trên đầu thù của quân ta và sự thất bại thảm hại của giặc Minh. Điều đó thể hiện trong những từ ngữ, cụm từ ngữ, hình ảnh so sánh (HS có thể dùng hình thức lập bảng).

Khí thế chiến thắng của ta	Sự thất bại nhục nhã của giặc
Đoạn 4a	
<i>sấm vang chớp giạt</i>	<i>máu chảy thành sông</i>
<i>trúc chẻ tro bay</i>	<i>thây chất đầy nội</i>
<i>thừa thắng ruổi dài</i>	<i>phải bêu đầu</i>
<i>đất cũ thu về</i>	<i>đành bỏ mạng</i>
<i>hăng lại càng hăng</i>	<i>cháy lại càng cháy</i>
<i>muu phạt tâm công</i>	<i>trí cùng lực kiệt</i>
Đoạn 4b	
<i>điều binh thủ hiểm</i>	<i>mũi tiên phong bị chặt</i>
<i>sai tướng chẹn đường</i>	<i>tuyệt nguồn lương thực</i>
<i>ngày mười tám</i>	<i>Liễu Thăng thất thế</i>
<i>ngày hai mươi</i>	<i>Liễu Thăng cụt đầu</i>
<i>ngày hăm lăm</i>	<i>Lương Minh bại trận tử vong</i>
<i>ngày hăm tám</i>	<i>Lí Khánh cùng kể tự vẫn</i>
<i>thuận đà đưa lưỡi dao tung phá</i>	<i>bí nước quay mũi giáo đánh nhau</i>
<i>đánh một trận</i>	<i>sạch không kinh ngạc</i>
<i>đánh hai trận</i>	<i>tan tác chìm muông</i>
...	...

GV gợi ý cho HS phân tích : việc miêu tả khí thế chiến thắng của ta như vũ bão cũng chính là thể hiện sự thất bại của giặc một cách thâm trầm nặng nề. Có thể

dẫn các hình ảnh sau đây để mở rộng và khắc sâu kiến thức : "đá núi cũng mòn", "nước sông phải cạn", "sạch không kinh ngạc", "tan tác chim muông", "trút sạch lá khô", "phá toang đê vỡ",...

Để làm nổi bật chiến thắng của ta và thất bại của giặc, Nguyễn Trãi đã sử dụng thành công nhiều thủ pháp nghệ thuật đặc sắc – trong đó có *thủ pháp nghệ thuật liệt kê, đối lập, so sánh tương phản*,... (Các hình ảnh liệt kê : "Trận Bồ Đằng sấm vang chớp giạt - Miền Trà Lân trúc chẻ tro bay,... Trần Trí, Sơn Thọ nghe hơi mà mất vía - Lí An, Phương Chính nín thở cầu thoát thân,... Ngày mười tám, trận Chi Lăng, Liễu Thăng thất thế - Ngày hai mươi, trận Mã An, Liễu Thăng cụt đầu - Ngày hăm lăm, bá tước Lương Minh bại trận tử vong - Ngày hăm tám, thượng thư Lí Khánh cùng kẻ tặc vẫn !",... Các hình ảnh đối lập : "Đem đại nghĩa để thắng hung tàn - Lấy chí nhân để thay cường bạo",...). Câu văn biến hoá thật linh hoạt : vừa hào hùng, mạnh mẽ ; vừa gợi cảm, tráng ca ; vừa khắc hoạ khí thế rung trời chuyển đất của nghĩa quân ; vừa khắc hoạ sự tan tác tơi bời của quân giặc.

Câu hỏi 4

GV hướng dẫn HS thảo luận để thấy được nội dung đoạn 5 đã thể hiện tư tưởng nhân nghĩa xuyên suốt bài cáo : yêu nước là an dân, muốn an dân phải trừ bạo, đem lại cuộc sống thái bình cho dân. "*Triết lí nhân nghĩa* của Nguyễn Trãi, cuối cùng chẳng qua là lòng yêu nước, thương dân : cái *nhân* cái *nghĩa* lớn nhất là phấn đấu đến cùng chống ngoại xâm, diệt tàn bạo, vì *độc lập của nước, hạnh phúc của dân*"⁽¹⁾.

Đồng thời, đoạn văn cũng thể hiện khát vọng của dân tộc ta sau chiến thắng chống quân Minh – đó là khát vọng hoà bình, xây dựng nền độc lập, thái bình vững chắc.

Câu hỏi 5

GV nêu vấn đề và hướng dẫn HS thảo luận để chứng minh : tư tưởng chiến lược xuyên suốt bài cáo là tư tưởng *nhân nghĩa*.

Nhân nghĩa của dân tộc Việt Nam thể hiện trên hai phương diện :

(1) Phạm Văn Đồng, *Nguyễn Trãi – người anh hùng của dân tộc*, báo *Nhân Dân*, số ra ngày 19 - 9 - 1962.

– Đối với nhân dân, *nhân nghĩa* trước hết là đem lại cuộc sống yên ổn cho dân, đồng thời nhân nghĩa là bảo vệ độc lập, chủ quyền và hạnh phúc của dân, do vậy phải chiến đấu đánh đuổi kẻ thù của dân. Hơn thế nữa, nhân nghĩa còn trở thành phương châm và "vũ khí" để đánh giặc ("Đem đại nghĩa để thắng hung tàn - Lấy chí nhân để thay cường bạo").

– Đối với kẻ thù, nhân nghĩa thể hiện ở quan điểm đánh giặc bằng mưu kế ("Chẳng đánh mà người chịu khuất, ta đây mưu phạt, tâm công"). *Nhân* là một khái niệm đạo đức của Khổng học, chỉ lòng thương yêu, quý trọng con người. *Chí nhân* (lòng nhân nghĩa ở mức cao nhất) thể hiện ở phương diện : ta không những không giết kẻ bại trận mà còn cấp phương tiện cho về nước.

Dùng *đại nghĩa* và *chí nhân* để đối xử với kẻ bại trận, không gây thù oán để hậu hoạ về sau, ấy cũng là đại nghĩa đối với nhân dân vậy.

Câu hỏi 6

GV hướng dẫn HS thảo luận, khái quát những luận điểm chính của đoạn trích học (từ đoạn 3 đến đoạn 5) :

– Tấm lòng của vị lãnh tụ nghĩa quân và những khó khăn trong buổi đầu đầy nghiệp ;

– Quá trình kháng chiến và thắng lợi ;

– Lời tuyên bố hoà bình và ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa.

Mối quan hệ giữa những luận điểm đó là : bằng tấm lòng yêu nước, căm thù giặc sâu sắc và tài mưu lược, Lê Lợi và nghĩa quân đã tiến hành cuộc kháng chiến chống quân Minh thắng lợi, đem lại một kỉ nguyên hoà bình, độc lập cho dân tộc.

3. Phân củng cố

GV định hướng cho HS thảo luận về giá trị của bài cáo :

– Với nghệ thuật đối thanh, đối ý, tiết tấu nhịp nhàng, mạnh mẽ, xen kẽ giữa các cặp câu ngắn với các cặp câu dài, biểu cảm sinh động, bài cáo đã thể hiện sự thống nhất hài hoà giữa yếu tố chính luận sắc sảo và yếu tố văn chương nghệ thuật đặc sắc.

– Trên cơ sở chính nghĩa tất thắng, *Đại cáo bình Ngô* là một bản anh hùng ca ca ngợi sức mạnh của truyền thống yêu nước và tinh thần độc lập tự cường, nêu bật sức mạnh của quân và dân ta trong cuộc khởi nghĩa, đập tan cuộc xâm lăng phi nghĩa của giặc, mở ra kỉ nguyên hoà bình, hạnh phúc cho dân tộc ở thế kỉ XV.

IV – HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BÀI TẬP NÂNG CAO

GV tổ chức cho HS thảo luận (trên cơ sở khai thác các chú thích trong SGK và bảng so sánh vừa lập ở câu 3) để thấy được :

- Đoạn 4a : Bước đầu thắng lợi của cuộc khởi nghĩa ở Thanh Hoá, Nghệ An.
- Đoạn 4b : Đại thắng ở mặt trận các tỉnh phía bắc.

Có thể thấy, tuy cùng miêu tả quá trình chiến thắng của ta, thất bại của địch nhưng cách thể hiện ở phần 4a và 4b có khác nhau : ta càng đánh càng thắng dồn dập, giặc càng ngoan cố càng thất bại nhục nhã.

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Lê Trí Viễn, *Những bài giảng văn ở đại học*, NXB Giáo dục, 1982.
- Trần Đình Sử (tuyển chọn), *Giảng văn chọn lọc văn học Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001.